

Số: 76 /TB- MNTT

Thượng Thanh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 12 năm 2024

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường mầm non Thượng Thanh thông báo về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 12 năm học 2024 - 2025 như sau:

- Biểu mẫu công khai: chi tiết theo bảng lương kèm theo thông báo.
- Địa điểm niêm yết: Bảng công khai phòng hành chính trường mầm non Thượng Thanh.
- Hình thức niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai phòng hành chính trường MN Thượng Thanh; cổng thông tin điện tử: mnthuongthanh.longbien.edu.vn
- Thời gian niêm yết: Từ ngày 09 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 12 tháng 12 năm 2024.
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai.
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc theo số điện thoại: 024.38772996, email: mnthuongthanh@longbien.edu.vn.
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Khi nhận được ý kiến có địa chỉ rõ ràng, ban công khai sẽ thống nhất và giải đáp kịp thời.

Nơi nhận:

- Ban công khai
- CBGVNV } để thực hiện;
- Lưu: VT (02).



Nguyễn Thị Thanh Hòa

Thượng Thanh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của
CBGVNV tháng 12 năm 2024**

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thông báo số 76/TB-MNTT ngày 09/12/2024 của trường mầm non Thượng Thanh về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 12 năm 2024;

Hôm nay, vào hồi 08h30 ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại Trường mầm non Thượng Thanh.

Thành phần tham dự gồm có:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	NV được giao
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Bà Vũ Ngọc Bích	CTCD - P. Hiệu trưởng	Phó ban
3	Bà Phạm Thị Khoa	TTCM	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Phương Mai	TTVP – NV kế toán	Thành viên
5	Bà Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NVND kiêm văn thư	Thư ký

+ Người chứng kiến: Bà Nguyễn Thị Lý –TTCM khối MGN

- Đã tiến hành niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 12 năm 2024.

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 09 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 12 tháng 12 năm 2024.

- Địa điểm niêm yết: Bảng công khai phòng hành chính trường mầm non Thượng Thanh.

- Hình thức niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai phòng hành chính trường MN Thượng Thanh; cổng thông tin điện tử: mnthuongthanh.longbien.edu.vn.

Trong quá trình niêm yết công khai, nếu có ý kiến sẽ phản hồi trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc theo số điện thoại: 024.38772996, email: mnthuongthanh@longbien.edu.vn.

Biên bản lập xong vào hồi 09h20 ngày 09 tháng 12 năm 2024, đã được các thành phần cùng nghe và nhất trí thông qua.

NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Tuyết Ngọc

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

4

Nguyễn Thị Lý

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MÀM NON THƯỢNG THANH

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VIÊN CHỨC THÁNG 12 NĂM 2024 (2.340.000)

DVT: Đồng

TT	Họ và tên	Tiền lương										Phụ cấp lương										Tổng trừ các khoản BH 10,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
		HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp chức vụ				Phụ cấp thâm niên nhà giáo				PC ưu đãi nghề		PC trách nhiệm								
						HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh							
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	3,66	8.564.400	813.618	7.750.782	0,50	1.170.000	111.150	1.058.850	0,7904	1.849.536	175.706	1.673.830	1,4560	3.407,040			1.100.474	13.890.502					
2	Vũ Ngọc Bích	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019	0,35	819.000	85.995	733.005	0,4784	1.119.456	117.543	1.001.913	1,2880	3.013.920			1.021.719	11.722.857					
3	Nguyễn Thị Thủy Linh	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019	0,35	819.000	85.995	733.005	0,3312	775.008	81.376	693.632	1,2880	3.013.920			985.552	11.414.576					
4	Nguyễn Thị Thanh Giang	4,27	9.991.800	1.049.139	8.942.661					1,0248	2.398.032	251.793	2.146.239	1,4945	3.497.130			1.300.932	14.586.030					
5	Lê Thị Tuyết Mai	3,65	8.541.000	896.805	7.644.195					0,6205	1.451.970	152.457	1.299.513	1,2775	2.989.350			1.049.262	11.933.058					
6	Đinh Thị Hoài	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,6666	1.559.844	163.784	1.396.060	1,0605	2.481.570			908.255	10.223.359					
7	Trần Thị Thu Hằng	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,4848	1.134.432	119.115	1.015.317	1,0605	2.481.570	0,2	468.000	863.586	10.310.616					
8	Phạm Thị Khoa	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,4995	1.168.830	122.727	1.046.103	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	940.908	11.215.392					
9	Bùi Hồng Ngân	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138					0,5124	1.199.016	125.897	1.073.119	1,2810	2.997.540			1.025.159	11.735.797					
10	Đào Thị Phương	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3939	921.726	96.781	824.945	1,0605	2.481.570			841.252	9.652.244					
11	Nguyễn Thị Thanh Huệ	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3636	850.824	89.337	761.487	1,0605	2.481.570			833.808	9.588.786					
12	Phạm Thị Thanh Hà	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3333	779.922	81.892	698.030	1,0605	2.481.570			826.363	9.525.329					
13	Đinh Thị Ngọc Dung	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3330	779.220	81.818	697.402	1,1655	2.727.270			899.999	10.398.691					
14	Nguyễn Thị Lý	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3330	779.220	81.818	697.402	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	899.999	10.866.691					
15	Đỗ Thị Hương	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3330	779.220	81.818	697.402	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	899.999	10.866.691					

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương								Tổng trừ các khoản BH 10,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận				
		HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp chức vụ				Phụ cấp thâm niên nhà giáo							PC ưu đãi nghề		PC trách nhiệm	
						HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh				HS	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh
16	Hoàng Thị Thu Hương	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3030	709.020	74.447	634.573	1,0605	2.481.570			818.918	9.461.872	
17	Chu Thị Thanh Hoa	3,00	7.020.000	737.100	6.282.900					0,2400	561.600	58.968	502.632	1,0500	2.457.000			796.068	9.242.532	
18	Lê Thị Ngọc	2,67	6.247.800	656.019	5.591.781					0,1869	437.346	45.921	391.425	0,9345	2.186.730			701.940	8.169.936	
19	Đinh Mỹ Linh	2,41	5.639.400	592.137	5.047.263					0,1205	281.970	29.607	252.363	0,8435	1.973.790			621.744	7.273.416	
20	Trịnh Thị Phương Thảo	2,41	5.639.400	592.137	5.047.263									0,8435	1.973.790			592.137	7.021.053	
21	Nguyễn Thị Phương Mai	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138											0,2	468.000	899.262	8.133.138	
	Tổng cộng	67,55	158.067.000	16.511.391	141.555.609	1,2	2.808.000	283.140	2.524.860	8,3488	19.536.192	2.032.805	17.503.387	22,7815	53.308.710	1,0	2.340.000	18.827.336	217.232.566	

Số tiền (Bằng chữ): Hai trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng.

KẾ TOÁN

Ngày 09 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Mai

Nguyễn Thị Thanh Hòa



TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG THANH TOÁN TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO ND111 THÁNG 12 NĂM 2024

DVT : Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền công			Phụ cấp trách nhiệm		Tổng trừ các khoản BH 10.5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
			Thành tiền	Trừ 10.5% BH	Thực lĩnh	Hệ số	Thực lĩnh			
1	Phùng Minh Tâm	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
2	Phùng Văn Kỳ	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
3	Nguyễn Thanh Tùng	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
4	Nguyễn Thị Liên	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
5	Nguyễn Thị Hà	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
6	Ngô Thị Thùy Liên	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200	0,2	468.000	520.800	4.907.200	
7	Phạm Quang Tiến	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
8	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
9	Phạm Thị Cẩm Vân	Giáo viên	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
Tổng cộng			44.640.000	4.687.200	39.952.800	0,2	468.000	4.687.200	40.420.800	

Số tiền (Bảng chữ) : Bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Mai



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LÀM BÁN TRÚ + THU 7 THÁNG 11/2024

DVT : Đồng

TT	Họ tên	Chức vụ	Bán trú			Thu 7			Tổng tiền	Ký nhận
			Số công	Số tiền/công	Tổng	Số công	Số tiền/công	Tổng		
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng	21	86.100	1.808.100				1.808.100	
2	Vũ Ngọc Bích	P.Hiệu trưởng	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	P.Hiệu trưởng	20	86.100	1.722.000	3	398.200	1.194.600	2.916.600	
4	Nguyễn T Thanh Giang	Giáo viên	20,5	86.100	1.765.050	2	398.200	796.400	2.561.450	
5	Lê Thị Tuyết Mai	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
6	Đinh Thị Hoài	Giáo viên	20	86.100	1.722.000	1	398.200	398.200	2.120.200	
7	Trần Thị Thu Hằng	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
8	Phạm Thị Khoa	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	3	398.200	1.194.600	3.002.700	
9	Bùi Hồng Ngân	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	3	398.200	1.194.600	3.002.700	
10	Đào Thị Phương	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
11	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	1	398.200	398.200	2.206.300	
12	Phạm Thị Thanh Hà	Giáo viên	20	86.100	1.722.000	2	398.200	796.400	2.518.400	
13	Đinh Thị Ngọc Dung	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	1	398.200	398.200	2.206.300	
14	Nguyễn Thị Lý	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
15	Đỗ Thị Hương	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	1	398.200	398.200	2.206.300	
16	Hoàng Thị Thu Hương	Giáo viên	20	86.100	1.722.000	2	398.200	796.400	2.518.400	
17	Chu Thị Thanh Hoa	Giáo viên	21	86.100	1.808.100	1	398.200	398.200	2.206.300	
18	Lê Thị Ngọc	Giáo viên	20,5	86.100	1.765.050	1	398.200	398.200	2.163.250	

TT	Họ tên	Chức vụ	Bán trú			Thứ 7			Tổng tiền	Ký nhận
			Số công	Số tiền/công	Tổng	Số công	Số tiền/công	Tổng		
19	Đinh Mỹ Linh	Giáo viên	20	86.100	1.722.000	2	398.200	796.400	2.518.400	
20	Trịnh Thị Phương Thảo	Giáo viên	20,5	86.100	1.765.050	2	398.200	796.400	2.561.450	
21	Phạm Thị Cẩm Vân	Giáo viên HD	20	86.100	1.722.000	1	398.200	398.200	2.120.200	
22	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
23	Nguyễn Thị Liên	NV nuôi	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
24	Nguyễn Thị Hà	NV nuôi	21	86.100	1.808.100	3	398.200	1.194.600	3.002.700	
25	Ngô Thị Thùy Liên	NV nuôi	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
26	Phạm Quang Tiến	NV nuôi	20,5	86.100	1.765.050	3	398.200	1.194.600	2.959.650	
27	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi	21	86.100	1.808.100	2	398.200	796.400	2.604.500	
28	Phùng Minh Tâm	Bảo vệ	7	86.100	602.700				602.700	
29	Phùng Văn Kỳ	Bảo vệ	7	86.100	602.700				602.700	
30	Nguyễn Thanh Tùng	Bảo vệ	7	86.100	602.700				602.700	
	Tổng công		580		49.938.000	50		19.910.000	69.848.000	

Số tiền (Bằng chữ) : Sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng.

KẾ TOÁN

Ngày 09 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Mai

Nguyễn Thị Thanh Hòa

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ NHÂN VIÊN HỢP ĐỒNG THÁNG 12 NĂM 2024

DVT : Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ký nhận
1	Phạm Thị Thúy Hòa	NV lao công	4.000.000	
2	Nguyễn Thị Huyền	Nhân viên y tế phòng	1.000.000	
Tổng cộng			5.000.000	

Số tiền (Bảng chữ) : Năm triệu đồng.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

Ngày 09 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hòa



TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG NHẬN TIỀN KHOẢN CÔNG TÁC PHÍ THÁNG 12 NĂM 2024

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán	300.000	
2	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi dưỡng kiếm Văn thư	300.000	
Tổng cộng			600.000	

Số tiền (Bảng chữ) : Sáu trăm nghìn đồng.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

Ngày 09 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

BẢNG TRUY LĨNH TIỀN LƯƠNG VIÊN CHỨC (2.340.000)

DVT: Đồng

TT	Họ và tên	Thời gian hưởng	Số tháng	Tiền lương							Phụ cấp lương							Tổng trừ các khoản BH 10,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
				HS cũ	HS mới	Chênh lệch	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp thâm niên nhà giáo				PC ưu đãi nghề						
										Mức PC	HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh				
1	Nguyễn Thị Thanh Giang	T6/2024-T11/2024	6	3,96	4,27	0,31	4.352.400	457.002	3.895.398	24%	0,0744	1.044.576	109.680	934.896	0,1085	1.523.340	566.682	6.353.634		
	Tổng cộng		6	3,96	4,27	0,31	4.352.400	457.002	3.895.398		0,0744	1.044.576	109.680	934.896	0,1085	1.523.340	566.682	6.353.634		

Số tiền (Bằng chữ) : Sáu triệu ba trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai


HỌ TÊN: 
Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

DANH SÁCH CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRỢ GIẢNG MÔN TIẾNG ANH, NĂNG KHIẾU THÁNG 11/2024

DVT : Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Môn Tiếng Anh			Môn năng khiếu (Vẽ, võ, múa)			Tổng cộng	Ký nhận
			Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền	Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền		
I	HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ				1.080.000			642.000	1.722.000	
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng			270.000			160.400	430.400	
2	Vũ Ngọc Bích	P.Hiệu trưởng			216.000			128.400	344.400	
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	P.Hiệu trưởng			216.000			128.400	344.400	
4	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán			189.000			112.400	301.400	
5	Lê Thị Tuyết Mai	Thủ quỹ			189.000			112.400	301.400	
II	HỖ TRỢ CHO GV TRỢ GIẢNG		24		1.890.000	40		1.120.000	3.010.000	
1	Chau Thị Thanh Hoa	GV lớp A1	4	78.750	315.000	8	28.000	224.000	539.000	
2	Đỗ Thị Hương	GV lớp A2	4	78.750	315.000	8	28.000	224.000	539.000	
3	Nguyễn Thị Lý	GV lớp B1	5	78.750	393.750	5	28.000	140.000	533.750	
4	Lê Thị Ngọc	GV lớp B2	3	78.750	236.250	7	28.000	196.000	432.250	
5	Bùi Hồng Ngân	GV lớp C1	3	78.750	236.250	2	28.000	56.000	292.250	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Môn Tiếng Anh			Môn năng khiếu (Vẽ, võ, múa)			Tổng cộng	Ký nhận
			Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền	Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền		
6	Trần Thị Thu Hằng	GV lớp C2	5	78.750	393.750	10	28.000	280.000	673.750	
Tổng cộng (I+II)					2.970.000			1.762.000	4.732.000	

Số tiền (Bằng chữ) : Bốn triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng.

KẾ TOÁN

[Signature]

Nguyễn Thị Phương Mai

Ngày 09 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa